



SỬA LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỰC TIỄN MỚI

NGUYỄN THỊ THANH TÂM

Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/6/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thay thế cho Luật Thuế giá trị gia tăng năm 1997, các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2003, năm 2005 và đã được sửa đổi, bổ sung 3 lần. Qua 15 năm thực hiện, Luật Thuế giá trị gia tăng đã có những thay đổi theo đúng định hướng cải cách chính sách thuế, giảm bớt thủ tục hành chính, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, góp phần vào đảm bảo an sinh xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trên, qua triển khai thực hiện chính sách thuế giá trị gia tăng cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Từ khóa: Luật Thuế giá trị gia tăng, cải cách thuế, môi trường kinh doanh

ADJUSTING THE VALUE-ADDED TAX LAW TO MEET EMERGING DEMANDS

Nguyen Thi Thanh Tam

The Value-Added Tax Law No. 13/2008/QH12, passed by the National Assembly on June 3rd, 2008, came into effect on January 1st, 2009, replacing the Value-Added Tax Law of 1997 and its amendments in 2003 and 2005. This law has been amended and supplemented three times. Over 15 years of implementation, the Value-Added Tax Law has undergone changes in line with tax policy reforms, reducing administrative procedures, improving the business environment, enhancing national competitiveness, alleviating difficulties, and promoting business development, contributing to social welfare. However, beside these achievements, the implementation of the VAT policy has revealed several existing issues and limitations that need to be amended and supplemented accordingly.

Keywords: Value-Added Tax Law, tax reform, business environment

Ngày nhận bài: 30/5/2024

Ngày hoàn thiện biên tập: 18/6/2024

Ngày duyệt đăng: 19/6/2024

Sự cần thiết sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng

Theo đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp, các chuyên gia và người dân, qua 15 năm thực hiện, Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đạt được các kết quả quan trọng.

Từ năm 2013 đến năm 2022, mặc dù nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng bởi kinh tế thế giới nhưng số thu về thuế GTGT vẫn được bảo đảm, tăng trưởng đều qua các năm và ổn định về tỷ trọng thu thuế GTGT trong tổng số thu ngân sách nhà nước (NSNN). Theo thống kê của cơ quan quản lý thu, thì số thu về thuế GTGT luôn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số thu NSNN cũng như chiếm tỷ lệ cao trong tổng số thu về thuế. Cụ thể, năm 2014 khoảng 26,9%, năm 2019 khoảng 23,3%, năm 2020 khoảng 22,7%, năm 2021 khoảng 23,6% (năm 2020, 2021 chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19), năm 2022 khoảng 24,5%.

Tuy nhiên, với tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và xu hướng phát triển, hội nhập thời gian tới, chính sách thuế GTGT đã phát sinh một số hạn chế, cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện để phát huy hơn nữa vai trò của loại thuế này. Qua thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ quy định thuế, hải quan và các chuyên gia cho rằng, nhiều quy định hiện hành đang tồn tại một số vướng mắc cần được tháo gỡ. Cụ thể là:

Thứ nhất, số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế còn nhiều (26 nhóm) và không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp và làm tăng giá bán ra, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng.

Thứ hai, việc áp dụng các mức thuế suất (hiện nay gồm 03 mức: 0%, 5% và 10%) đối với các nhóm mặt hàng còn chưa phù hợp. Đối tượng chịu thuế GTGT



thuế suất 5% còn nhiều (14 nhóm hàng hóa, dịch vụ) chưa phù hợp với định hướng cải cách hệ thống thuế, tiến tới áp dụng 1 mức thuế suất phổ thông. Việc xác định thuế suất đối với một số hàng hóa dựa vào mục đích sử dụng nên gây vướng mắc cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

Thứ ba, đối với doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT có mức từ 100 triệu đồng trở xuống/năm cần phải nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp mức biến động của giá và một số yếu tố khác cho phù hợp bối cảnh kinh tế - xã hội.

Thứ tư, quy định về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản còn có cách hiểu khác nhau giữa người nộp thuế và cơ quan thuế. Đồng thời, quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào cần phải chặt chẽ hơn nữa để góp phần ngăn chặn gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế GTGT, chống thất thu ngân sách.

Thứ năm, cần nghiên cứu bổ sung quy định hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp sản xuất cung ứng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5% mà đầu vào chủ yếu áp dụng thuế suất 10%; nghiên cứu sửa đổi quy định về hoàn thuế đối với dự án đầu tư để xử lý bất cập phát sinh trong thực tế và tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, qua đó, tăng năng suất lao động, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Do vậy, cần thiết phải ban hành Luật Thuế GTGT (sửa đổi) nhằm hoàn thiện quy định về chính sách thuế GTGT để bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật để góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN, đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN. Đồng thời, khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật Thuế GTGT thời gian qua; tháo gỡ bất cập, chùng chèo trong hệ thống pháp luật thuế GTGT và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, khai thông, phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm phù hợp với xu hướng cải cách thuế của quốc tế.

Đảm bảo công bằng, tránh thất thu thuế, phù hợp thực tiễn

Theo đó, dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) gồm 04 Chương, 18 Điều. Dự án Luật được xây dựng với mục đích hoàn thiện quy định về chính sách thuế GTGT để bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng

cơ sở thu; bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện Luật để góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; đảm bảo thu đúng thu đủ vào NSNN, đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN. Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định, luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật (nghị định, thông tư) nhằm cải cách thủ tục hành chính; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, thống nhất, ổn định chính sách, thực hiện quản lý thuế điện tử, bảo vệ quyền lợi người nộp thuế, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN... Các nội dung này cũng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đề ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 và Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể các nội dung quan trọng thu hút sự quan tâm của xã hội, cộng đồng doanh nghiệp như:

Đối với các trường hợp không phải nộp thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, các trường hợp không phải nộp thuế GTGT đầu ra nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Dự thảo Luật quy định cho phép không tính thuế đầu ra nhưng được khấu trừ thuế đầu vào đối với nông, lâm, thủy sản chưa chế biến.

Thứ hai, mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT. Dự thảo Luật sửa đổi quy định mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (theo quy định của Luật hiện hành) thành “dưới mức do Chính phủ quy định”. Có thể khẳng định, việc sửa đổi, điều chỉnh quy định về ngưỡng doanh thu hàng năm thuộc diện không chịu thuế GTGT là cần thiết để phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Thứ ba, bổ sung quy định không thu thuế GTGT đối với một số loại hàng hoá nhập khẩu. Dự thảo Luật bổ sung quy định quà biếu, quà tặng, tài sản di chuyển, hàng biên mậu trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Mặc dù, không được quy định trong Luật song trên thực tế, việc miễn thuế GTGT gắn với miễn thuế nhập khẩu hiện cũng được thực hiện đối với hàng hoá nhập khẩu có giá trị nhỏ dưới 1 triệu đồng gửi qua chuyển phát nhanh (theo Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg). Với sự bùng nổ của thương mại điện tử xuyên biên giới, lượng giao dịch hàng hóa có giá trị nhỏ xuyên biên giới đã tăng gấp nhiều lần trong thời gian qua.



Bảo đảm công bằng với các doanh nghiệp trong nước và tránh thất thu thuế

Một là, đối tượng áp dụng thuế suất 0%. Dự thảo Luật bổ sung “công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan” và “hàng hoá cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ” là hàng hoá xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%. Đa số ý kiến cho rằng, “công trình xây dựng, lắp đặt” khó có thể xem là “hàng hoá xuất khẩu”, ngoại trừ thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sử dụng để xây dựng các công trình này khi được vận chuyển từ Việt Nam sang nước ngoài thì mặc nhiên đã là hàng hoá xuất khẩu được hưởng thuế suất 0%; các dịch vụ đi kèm được xử lý theo cơ chế của dịch vụ xuất khẩu. Vì vậy, đề nghị bỏ nội dung này và giải trình cụ thể về “hàng hoá cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ” để làm rõ về tính phù hợp, trong trường hợp cần thiết cần quy định rõ trong Luật, không giao Chính phủ quy định.

Hai là, quy định “hàng hoá xuất khẩu. Hàng hoá được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan”. Khu phi thuế quan được hưởng các ưu đãi miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế GTGT 0% theo quy định hiện hành bao gồm: các kho bảo thuế, khu bảo thuế, kho ngoại quan và các doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất. Các hàng hoá được lưu giữ trong các kho/khu này về cơ bản là hàng hoá “trung chuyển”, sẽ được chuyển ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào Việt Nam. Các đối tượng là “hàng hoá được tiêu dùng” trong các khu này trong mọi trường hợp sẽ không được xuất khẩu ra khỏi Việt Nam, việc áp dụng thuế suất 0% đối với số hàng hoá được tiêu dùng tại các khu này là không phù hợp nguyên tắc thuế suất 0% chỉ được áp dụng với hàng xuất khẩu. Tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế nêu doanh nghiệp chế xuất hiện cũng được xuất bán vào thị trường trong nước, giống như các doanh nghiệp trong nước có sản xuất xuất khẩu. Theo nguyên tắc của thuế GTGT, hàng hoá được hưởng thuế suất 0% chỉ khi thực tế được xuất khẩu; hàng hoá được tiêu dùng trong khu phi thuế quan và cuối cùng không xuất khẩu thì không được hưởng thuế suất 0%.

Ba là, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%. Dự thảo Luật liệt kê các loại hình dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%. Với hướng sửa đổi này, thể hiện rõ các ngành dịch vụ đang được xuất khẩu trên thực tế của Việt Nam, tạo sự rõ ràng, thuận lợi trong thực hiện, hạn chế các trường hợp lợi dụng chính sách và phù hợp với thông lệ của nhiều nước.

Bốn là, sản phẩm cung cấp trên các nền tảng số. Dự thảo Luật quy định “sản phẩm cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ” không thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 0%. Với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, lượng hàng hoá được các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài trên cơ sở nền tảng số sẽ tăng trưởng theo thời gian, trở thành xu hướng bán hàng phổ biến, cần được khuyến khích và áp dụng thuế suất 0%. Vì vậy, việc Dự thảo Luật đưa ra quy định này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn.

Năm là, bổ sung đối tượng áp dụng thuế suất 5%. Dự thảo Luật chuyển phân bón, tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển, các loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp từ diện không chịu thuế sang nhóm hàng hóa áp dụng mức thuế suất 5%. Việc đưa mặt hàng phân bón trở thành đối tượng chịu thuế là hoàn toàn phù hợp, giúp doanh nghiệp được khấu trừ đầu vào, tạo sự bình đẳng với hàng nhập khẩu, qua đó giúp cho doanh nghiệp giảm giá bán cho nông dân, tăng thu ngân sách.

Sáu là, định hướng tăng mức thuế suất phổ thông 10%. Mức thuế suất phổ thông 10% tại Việt Nam hiện nay là thấp hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới, cho thấy Việt Nam có dư địa để tăng thuế suất thuế GTGT, đặc biệt trong bối cảnh cần mở rộng cơ sở thu. Hiện một số nước trong khu vực ASEAN đã và đang tăng thuế suất GTGT như một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thu ngân sách từ sau đại dịch. Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030 cũng đã xác định định hướng “nghiên cứu tăng thuế suất thuế GTGT theo lộ trình”. Do vậy, đánh giá tác động đối với một số phương án tăng thuế suất theo lộ trình để cân nhắc khả năng quy định lộ trình tăng thuế suất trong dự án Luật một cách phù hợp, sau khi nền kinh tế đã được phục hồi, có thể vào cuối giai đoạn 5 năm 2026-2030 là cần thiết. 

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội (2008), Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008;
2. Chính phủ (2024), Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);
3. Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội (2024), Báo cáo thẩm tra dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);
4. Cổng thông tin điện tử Quốc hội (2024), Cần thiết sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng để giải quyết các bất cập trong thực tiễn, <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=87453>.

Thông tin tác giả:

TS. Nguyễn Thị Thanh Tâm

Khoa Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị Khu vực 1

Email: tampvhn@yahoo.com